



Số: 03/2010/TTLT-BCA-BLĐTBXH-BTC-BNV

Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2010

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều về chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu, hy sinh, tử trần quy định tại Nghị định số 43/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 59/2010/NĐ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều về chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu, hy sinh, tử trần quy định tại Nghị định số 43/2007/NĐ-CP ngày 26/3/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2010/NĐ-CP);

Bộ Công an, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện như sau:

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

Thông tư liên tịch này hướng dẫn về chế độ, chính sách đối với sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất; sĩ quan, hạ sĩ

quan Công an nhân dân hưởng lương hy sinh, từ trần; quy đổi thời gian để tính hưởng chế độ khi sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân hưởng lương nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi phục vụ trong Công an nhân dân.

Điều 2. Căn cứ tính hưởng chế độ

1. Tiền lương tính hưởng chế độ

a) Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 59/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch này được tính bằng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm (60 tháng) cuối trước khi sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu. Khi tính mức bình quân tiền lương tháng, được chuyển đổi theo chế độ tiền lương quy định tại thời điểm sĩ quan Công an nhân dân hưởng chế độ hưu trí.

b) Tiền lương tháng để tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 4, Điều 5 Thông tư liên tịch này là tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội của tháng liền kề trước khi sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân hy sinh, từ trần, nghỉ hưu, chuyển ngành, thôi phục vụ trong Công an nhân dân.

c) Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội làm căn cứ tính hưởng trợ cấp một lần quy định tại điểm a, điểm b khoản này là tiền lương theo cấp bậc hàm, ngạch, bậc và các khoản phụ cấp chức vụ lãnh đạo, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề (nếu có) của sĩ quan, hạ sĩ quan.

2. Thời gian tính hưởng chế độ

a) Thời gian công tác được tính hưởng chế độ trợ cấp một lần quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 1 Nghị định số 59/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 3, Điều 4 Thông tư liên tịch này là tổng thời gian công tác trong Công an nhân dân (bao gồm thời gian là sĩ quan, hạ sĩ quan, học viên học tại các trường Công an nhân dân hoặc gửi học ở các trường ngoài Công an nhân dân do Công an nhân dân trả lương hoặc sinh hoạt phí, công nhân, viên chức Công an nhân dân) và thời gian công tác tại các cơ quan, đơn vị hưởng lương từ ngân sách nhà nước có đóng bảo hiểm xã hội hoặc được tính là thời gian đã đóng bảo hiểm xã hội trước khi vào Công an nhân dân.

b) Thời gian công tác được tính quy đổi để hưởng trợ cấp một lần quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư liên tịch này là thời gian công tác trong Công an nhân dân được tính phụ cấp thâm niên nghề (theo quy định của Bộ Công an) của sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân, có tham gia trực tiếp chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc công tác ở địa bàn, ngành nghề có tính chất đặc thù.

c) Thời gian công tác nêu tại điểm a, điểm b khoản này nếu đứt quãng mà chưa được hưởng trợ cấp một lần (phục viên, xuất ngũ, thôi việc) thì được cộng dồn.

3. Trường hợp thời gian công tác, thời gian tăng thêm do quy đổi và thời gian nghỉ hưu trước hạn tuổi có tháng lẻ thì được tính theo nguyên tắc: dưới 3 tháng không được tính, từ đủ 3 tháng đến đủ 6 tháng được tính bằng 1/2 năm, từ trên 6 tháng đến dưới 12 tháng được tính bằng 1 năm.

CHƯƠNG II. CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 3. Chế độ trợ cấp một lần đối với sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất

1. Sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu (đủ điều kiện hưởng lương hưu hàng tháng) trước hạn tuổi phục vụ cao nhất do thay đổi tổ chức, biên chế theo quyết định của cấp có thẩm quyền được thực hiện chế độ trợ cấp một lần quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 59/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

2. Hạn tuổi để tính hưởng chế độ trợ cấp khi sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất được xác định theo cấp bậc hàm của sĩ quan tại Quyết định về việc nghỉ công tác hưởng chế độ hưu trí của cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 43/2007/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công an nhân dân, cụ thể như sau:

Cấp úy: nam 50, nữ 50;
Thiếu tá, Trung tá: nam 55, nữ 53;
Thượng tá: nam 58, nữ 55;
Đại tá, cấp tướng: nam 60, nữ 55.

Khi Nhà nước có quy định mới về hạn tuổi phục vụ cao nhất của sĩ quan Công an nhân dân thì thực hiện theo quy định mới.

Tuổi để xác định sĩ quan nghỉ hưu trước hạn tuổi so với hạn tuổi phục vụ cao nhất theo quy định ít nhất phải đủ một năm (12 tháng) và được tính từ tháng sinh đến tháng liền kề trước khi sĩ quan hưởng lương hưu hàng tháng. Đối với trường hợp trong các loại hồ sơ không xác định được ngày, tháng sinh mà chỉ xác định được năm sinh thì lấy ngày 01 tháng 01 của năm liền kề sau năm sinh của sĩ quan để làm căn cứ tính tuổi nghỉ hưu.

Ví dụ 1: Đồng chí Nguyễn Văn T, Thiếu tá, sinh ngày 15 tháng 4 năm 1959, vào Công an nhân dân ngày 01 tháng 9 năm 1977, được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác hưởng lương hưu hàng tháng từ ngày 01 tháng 8 năm 2010. Đồng chí T hưởng lương hưu hàng tháng khi 51 tuổi 3 tháng. Theo quy định, đồng chí T được trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất là 55 tuổi – 51 tuổi 3 tháng = 3 năm 9 tháng.

Ví dụ 2: Đồng chí Trần Văn A, Trung tá, sinh ngày 03 tháng 7 năm 1956, vào Công an nhân dân ngày 01 tháng 9 năm 1975, được cấp có thẩm quyền quyết định nghỉ công tác hưởng lương hưu hàng tháng từ ngày 01 tháng 12 năm 2010. Đồng chí A hưởng lương hưu hàng tháng khi 54 tuổi 4 tháng. Đồng chí A không được hưởng trợ cấp một lần do nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất vì đồng chí A hưởng lương hưu trước 55 tuổi có 08 tháng (chưa đủ 01 năm).

3. Ngoài chế độ bảo hiểm xã hội và chế độ ưu đãi người có công với cách mạng (nếu có) được hưởng theo quy định của pháp luật hiện hành, sĩ quan Công an nhân dân nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất còn được hưởng các khoản trợ cấp một lần như sau:

a) Bằng 03 (ba) tháng mức bình quân tiền lương tháng cho mỗi năm (đủ 12 tháng) nghỉ hưu trước hạn tuổi, theo công thức sau:

$$\text{Mức trợ cấp theo số năm trước hạn tuổi} = \text{Số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất} \times 03 \text{ tháng} \times \text{Mức bình quân tiền lương tháng của 60 tháng trước khi nghỉ hưu}$$

b) Bằng 05 (năm) tháng mức bình quân tiền lương tháng cho 20 năm đầu công tác. Từ năm thứ 21 trở đi, cứ mỗi năm được trợ cấp 1/2 tháng. Theo công thức sau:

$$\text{Mức trợ cấp theo số năm công tác} = \left[05 \text{ tháng} + [(\text{tổng số năm công tác} - 20 \text{ năm}) \times 1/2 \text{ tháng}] \right] \times \text{Mức bình quân tiền lương tháng của 60 tháng trước khi nghỉ hưu}$$

Ví dụ 3: Trường hợp đồng chí Thiếu tá Nguyễn Văn T nêu tại ví dụ 1, có 32 năm 11 tháng công tác trong Công an nhân dân được làm tròn để tính hưởng trợ cấp là 33 năm, số năm nghỉ hưu trước hạn tuổi là 3 năm 9 tháng được làm tròn để tính hưởng trợ cấp là 4 năm, mức bình quân tiền lương tháng của 5 năm cuối trước khi nghỉ là 5.081.600 đồng. Ngoài chế độ bảo hiểm xã hội hiện hành, đồng chí T còn được hưởng:

- Trợ cấp theo số năm nghỉ trước hạn tuổi phục vụ cao nhất
4 năm x 3 tháng x 5.081.600 đồng = 60.979.200 đồng.

- Trợ cấp theo số năm công tác:
[5 tháng + (33-20) x 1/2] x 5.081.600 đồng = 58.438.400 đồng.

Tổng số tiền trợ cấp đồng chí T được hưởng là:
60.979.200 đồng + 58.438.400 đồng = 119.417.600 đồng.

4. Sĩ quan Công an nhân dân xin nghỉ hưu trước hạn tuổi phục vụ cao nhất do nhu cầu cá nhân trong khi đơn vị vẫn có nhu cầu bố trí, sử dụng; sĩ quan Công an nhân dân do vi phạm kỷ luật phải nghỉ việc trước hạn tuổi phục vụ cao nhất không được hưởng chế độ trợ cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 59/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.

Điều 4. Chế độ, chính sách đối với sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân hưởng lương hy sinh, tử trần

1. Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đang công tác hy sinh được cấp có thẩm quyền công nhận là liệt sỹ thì thân nhân của sĩ quan, hạ sĩ quan được hưởng:

a) Chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng và pháp luật về bảo hiểm xã hội;

b) Chế độ trợ cấp một lần theo số năm công tác: Cứ mỗi năm công tác được tính bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng của sĩ quan, hạ sĩ quan trước khi hy sinh.

c) Chế độ trợ cấp một lần của thời gian tăng thêm do quy đổi quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư liên tịch này.

2. Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân đang công tác tử trần thì thân nhân của sĩ quan, hạ sĩ quan được hưởng:

a) Chế độ, chính sách theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội;

b) Chế độ trợ cấp một lần theo số năm công tác: Cứ mỗi năm công tác được tính bằng 01 tháng tiền lương hiện hưởng của sĩ quan, hạ sĩ quan trước khi tử trần.

c) Chế độ trợ cấp một lần của thời gian tăng thêm do quy đổi quy định tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 59/2010/NĐ-CP và hướng dẫn tại Điều 5 Thông tư liên tịch này.

3. Thân nhân của sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân hy sinh, tử trần được hưởng chế độ trợ cấp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 và điểm b, điểm c khoản 2 Điều này bao gồm: Vợ hoặc chồng; bố đẻ, mẹ đẻ; con đẻ, con nuôi hoặc người mà trước khi sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân hy sinh, tử trần nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Ví dụ 4: Đồng chí Nguyễn Văn D, Đại úy, thời gian công tác trong Công an nhân dân là 12 năm 05 tháng (được tính thâm niên nghề 12%), hy sinh ngày 23 tháng 8 năm 2010, được công nhận là liệt sỹ. Tiền lương tháng hiện hưởng tại thời điểm tháng 8 năm 2010 của đồng chí Nguyễn Văn D là:

- Mức lương tối thiểu chung tại thời điểm tháng 8 năm 2010 là 730.000 đồng/tháng

- Lương cấp bậc hàm Đại úy (hệ số 5,40): $5,40 \times 730.000đ = 3.942.000$ đồng

- Phụ cấp thâm niên nghề (12%): $\frac{3.942.000 \text{ đồng} \times 12\%}{\text{Tổng số:}} = 473.040 \text{ đồng}$
4.415.040 đồng/tháng

Ngoài chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định hiện hành, thân nhân của đồng chí Nguyễn Văn D còn